

Số: 150/2019/QĐST-HNGĐ

An Dương, ngày 05 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Phạm Thị Thanh M; Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng và anh Cao Công N; Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Cao Công N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ và hiện tại đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị M và anh N thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Cao Công N thỏa thuận đề nghị Tòa án giao con chung Cao Thị Thanh X, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2012 cho chị M nuôi dưỡng; giao các con chung Cao Tiến B, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và Cao Tiến V, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016 cho anh N nuôi dưỡng. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Cao Tiến B và Cao Tiến V cho anh N 750.000 đồng/01 cháu/01tháng. Xét thấy, quan điểm của chị M và anh N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Cao Công N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Cao Công N thỏa thuận chị M chịu cả lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xét thấy, quan điểm của chị M và anh N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh M và anh Cao Công N.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh M nuôi dưỡng con chung Cao Thị Thanh X, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2012; anh Cao Công N nuôi dưỡng các con chung Cao Tiến B, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và Cao Tiến V, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2016 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thanh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Cao Tiến B và Cao Tiến V cho anh N 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/01 cháu/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 05 tháng 7 năm 2019 đến khi mỗi con chung Cao Tiến B, Cao Tiến V đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thanh M và anh Cao Công N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Thanh M chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4321 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị M đã nộp đủ lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND thị trấn A, huyện A;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Minh Huế